

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÀO CAI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 15/2021/HC-ST

Ngày 25 - 6 - 2021

V/v “*Khiếu kiện quyết định hành
chính và hành vi hành chính trong
lĩnh vực quản lý đất đai*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Phi Long

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Hữu Cương

2. Ông Nguyễn Xuân Lập

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Dương Thu Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa:** Bà Lê Thị Khánh Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 05/2021/HC-ST ngày 25/01/2021 về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính và hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2021/QĐST-HC ngày 06/5/2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 34/2021/QĐST-HC ngày 27/5/2021 giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông Nguyễn Duy C

Địa chỉ: Phòng 409 nhà K, khu 7.2ha, phường V, quận B, thành phố Hà Nội. Vắng mặt tại phiên tòa.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Bùi Văn Đ - Luật sư, Văn phòng luật sư T. Địa chỉ: Tầng 3, số 8, phố Q, quận B, thành phố Hà Nội. Có mặt tại phiên tòa.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp: Ông Vũ Hồng T - Luật sư, Văn phòng luật sư T. Địa chỉ: Tầng 3, số 8, phố Q, quận B, thành phố Hà Nội. Có mặt tại phiên tòa.

2. Người bị kiện: Ủy ban nhân dân thị xã S, tỉnh Lào Cai

Địa chỉ: Số 091, phố X, tổ 4, phường S, thị xã S, tỉnh Lào Cai.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Vương Trinh Q - Chức vụ: Chủ tịch UBND thị xã S.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Trọng T - Chức vụ: Phó Chủ tịch UBND thị xã S. Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo Đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Người khởi kiện ông Nguyễn Duy C, Người đại diện theo ủy quyền của Người khởi kiện ông Bùi Văn Đ trình bày:

Khoảng năm 2002, ông Nguyễn Duy C có nhận chuyển nhượng của ông Lê Văn T diện tích 200m² đất nông nghiệp tại tổ 3B, thị trấn S, huyện S, tỉnh Lào Cai. Việc chuyển nhượng được lập thành văn bản có xác nhận của UBND thị trấn S. Kể từ khi nhận chuyển nhượng gia đình ông C vẫn quản lý, sử dụng và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với nhà nước, không có tranh chấp với ai.

Ngày 31/8/2012, UBND huyện S (nay là UBND thị xã S) ra Quyết định số 1771/QĐ-UBND về việc thu hồi toàn bộ thửa đất của gia đình ông C để thực hiện dự án xây dựng hạ tầng và san tạo mặt bằng Chợ Văn hóa - Bến xe khách thị trấn S và Quyết định số 1784/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư. Theo phương án bồi thường, trong tổng diện tích nằm trong chỉ giới thu hồi của gia đình ông C là 200m² đất nông nghiệp thì gia đình ông C chỉ được bồi thường cây trồng và hỗ trợ đất nông nghiệp trồng cây lâu năm với số tiền 6.036.000 đồng.

Ông C không đồng ý với 02 quyết định trên và đã gửi rất nhiều Đơn khiếu nại, kiến nghị, đề nghị tới UBND huyện S và UBND tỉnh Lào Cai để yêu cầu xem xét lại phương án bồi thường. Đến ngày 20/11/2020, ông C mới nhận được Văn bản số 2572/UBND-TNMT ngày 09/11/2020 của UBND thị xã S trả lời: Những nội dung kiến nghị của ông Nguyễn Duy C đã được trả lời theo Văn bản số 2277/UBND-TNMT ngày 14/9/2018 của UBND huyện S. Tuy nhiên ông C không nhận được Văn bản số 2277/UBND-TNMT ngày 14/9/2018 mà chỉ nhận được bản photo kèm theo Văn bản số 2572 ngày 09/11/2020.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 21 Nghị định 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ quy định về hỗ trợ đối với đất nông nghiệp trong khu dân cư và đất vườn, ao không được công nhận là đất ở; Điều 33 Bản quy định bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất để sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng, mục đích phát triển kinh tế trên địa bàn tỉnh Lào Cai ban hành kèm theo Quyết định số 45/2009/QĐ-UBND ngày 25/12/2009 của UBND tỉnh Lào Cai về hỗ trợ đối với đất nông nghiệp trong khu dân cư thì khi thu hồi 200m² đất nông nghiệp của gia đình ông C nằm trong khu dân cư thuộc thị trấn S. Vì vậy, ngoài 02 khoản bồi thường, hỗ trợ đã

được phê duyệt theo Quyết định số 1784/QĐ-UBND ngày 31/8/2012 của UBND huyện S thì gia đình ông C còn được hỗ trợ thêm 1 khoản bằng 30% giá đất trung bình của cùng khu vực (đường N, thị trấn S) tại thời điểm hỗ trợ (năm 2017).

Theo Quyết định số 91/2014/QĐ-UBND ngày 27/12/2014 của UBND tỉnh Lào Cai về việc ban hành Quy định bảng giá các loại đất 5 năm (2015 - 2019) trên địa bàn tỉnh Lào Cai thì giá đất ở đường N là 22,5 triệu đồng và 19,5 triệu đồng/1m² (giá đất ở trung bình là 21 triệu đồng/1m²).

Như vậy, UBND thị xã S xác định thiếu khoản tiền hỗ trợ khi thu hồi đất nông nghiệp trong địa giới hành chính khu dân cư của gia đình ông C là 21.000.000 đồng/1m² x 200m² x 30% = 1.260.000.000 đồng.

Ông Nguyễn Duy C khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề sau:

- Hủy Văn bản số 2277/UBND-TNMT ngày 14/9/2018 của UBND huyện S về việc trả lời đơn đề nghị của ông Nguyễn Duy C;

- Hủy Quyết định số 1784/QĐ-UBND ngày 31/8/2012 của UBND huyện S về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với hộ ông Nguyễn Duy C;

- Buộc UBND thị xã S thực hiện việc bổ sung khoản hỗ trợ đối với đất nông nghiệp trong địa giới hành chính khu dân cư thuộc thị trấn khi Nhà nước thu hồi đất của gia đình ông Nguyễn Duy C là 1.260.000.000 đồng (*Một tỷ hai trăm sáu mươi triệu đồng*).

Người đại diện theo ủy quyền của Người bị kiện Ủy ban nhân dân thị xã S trình bày:

Thực hiện công tác GPMB dự án xây dựng hạ tầng và san tạo mặt bằng Chợ Văn hóa - Bến xe khách thị trấn S, trong đó phải thu hồi diện tích 200m² của ông Nguyễn Duy C.

Ngày 29/8/2012, Tổ công tác tiến hành thống kê, kiểm đếm đất đai, tài sản, hoa màu của ông C. Tuy nhiên do ông C vắng mặt, không có hộ khẩu tại địa phương, không có địa chỉ liên hệ, Tổ công tác đã thống kê toàn bộ diện tích đất cả ông Nguyễn Duy C, gồm có: 200m² đất nông nghiệp trồng cây lâu năm, 05 cây đào, 05 cây mận thu hoạch trên 05 năm.

Căn cứ số liệu thống kê, đo đạc UBND huyện S đã ban hành Quyết định số 1771/QĐ-UBND ngày 31/8/2012 v/v thu hồi đất đối với ông C và Quyết định số 1784/QĐ-UBND ngày 31/8/2012 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với ông C. Theo Phương án bồi thường đã được phê duyệt với số tiền là 6.036.000 đồng, trong đó tiền bồi thường về hoa màu là 3.036.000 đồng, tiền hỗ trợ về đất là 3.000.000 đồng.

Theo Thông báo số 178/TB-VPUBND ngày 05/10/2011 của UBND tỉnh Lào Cai thì: Những hộ gia đình bị thu hồi đất nông nghiệp trong khu dân cư, không có giấy tờ về đất nhưng đang sử dụng đất ổn định, không có tranh chấp, không có hộ khẩu thường trú tại Sa Pa: Cho phép hỗ trợ khác theo khoản 1 Điều 23 Nghị định 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ, mức hỗ trợ bằng

01 lần giá trị bồi thường đất nông nghiệp tương đương khoản 1 Điều 10 Quyết định số 45/2009/QĐ-UBND của UBND tỉnh Lào Cai.

Ông C không được bồi thường về đất do ông C bị thu hồi đất nông nghiệp không có giấy tờ về đất, không trực tiếp sản xuất nông nghiệp, không có hộ khẩu thường trú tại thị trấn S nên không thuộc trường hợp được bồi thường về đất theo quy định tại Điều 8, điểm c khoản 1 Điều 15, điểm c khoản 1 Điều 16 Quyết định số 45/2009/QĐ-UBND ngày 25/12/2009.

Đối chiếu với quy định trên thì trường hợp của ông C được hỗ trợ bằng 01 lần đơn giá bồi thường đất nông nghiệp cùng loại.

Căn cứ Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, UBND huyện S đã 03 lần mời ông C đến nhận tiền và bàn giao đất nhưng ông C không có mặt. Ngày 14/11/2012, UBND huyện S đã ban hành Quyết định số 2453/QĐ-UBND về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với ông C để thực hiện dự án.

Như vậy, việc UBND huyện S thực hiện thu hồi đất, bồi thường và áp dụng các chính sách đối với ông Nguyễn Duy C là đúng quy định. Các yêu cầu khởi kiện của ông C là không có căn cứ.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tiến hành đối thoại để các đương sự thống nhất với nhau về việc giải quyết vụ án nhưng không thành. Vì vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai mở phiên tòa sơ thẩm xét xử công khai vụ án hành chính để Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa, Hội thẩm nhân dân, thư ký và các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Luật tổ tụng hành chính.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính, xử bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Duy C, tuyên án phí cho đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa; căn cứ kết quả việc tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên; căn cứ các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện UBND thị xã S là ông Trần Trọng T vắng mặt và đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 158 Luật Tổ tụng hành chính, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Theo Đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án ông Nguyễn Duy C khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết hủy Văn bản số 2277/UBND-TNMT ngày 14/9/2018 của UBND huyện S về việc trả lời đơn đề nghị của ông Nguyễn

Duy C; Hủy Quyết định số 1784/QĐ-UBND ngày 31/8/2012 của UBND huyện S về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với hộ ông Nguyễn Duy C và buộc UBND thị xã S thực hiện việc bổ sung khoản hỗ trợ đối với đất nông nghiệp trong địa giới hành chính khu dân cư thuộc thị trấn khi Nhà nước thu hồi đất của gia đình ông Nguyễn Duy C. Xét thấy đối tượng khởi kiện là quyết định hành chính và hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp tỉnh theo quy định tại Điều 30, 32 Luật Tổ tụng hành chính.

[3] Về thời hiệu khởi kiện:

Ngày 31/8/2012, UBND huyện S (nay là thị xã S) ban hành Quyết định số 1771/QĐ-UBND về việc thu hồi đất để thực hiện dự án: Xây dựng hạ tầng và san tạo mặt bằng Chợ văn hóa - Bến xe khách thị trấn S đối của hộ ông Nguyễn Duy C (Diện tích đất thu hồi 200,0m², đất nông nghiệp trồng cây lâu năm tại tổ 3B, thị trấn S) và Quyết định số 1784/QĐ-UBND bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với hộ ông Nguyễn Duy C (Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ: 6.036.000đồng). Theo Đơn khởi kiện, ông C trình bày sau khi UBND huyện S ban hành 02 Quyết định trên, ông không đồng ý và đã gửi rất nhiều đơn khiếu nại, kiến nghị, đề nghị tới UBND huyện S và UBND tỉnh Lào Cai để yêu cầu xem xét lại phương án bồi thường nhưng đều không được giải quyết.

Theo các tài liệu trong hồ sơ vụ án thể hiện sau khi ban hành 02 Quyết định trên, theo Biên bản xác minh về địa chỉ nơi ở và nơi công tác của ông Nguyễn Duy C nguyên là Giám đốc Chi nhánh Điện lực Sa Pa thì ông C chuyển công tác trong ngành điện đóng trên địa bàn Hà Nội nhưng không rõ cơ quan nào và không biết về nơi ở của ông C nên UBND huyện S không thực hiện việc bàn giao quyết định cho ông C. Đến ngày 06/12/2012, ông C có Đơn đề nghị v/v bồi thường, hỗ trợ và tái định cư về đất bị thu hồi gửi đến UBND huyện S. Trong Đơn đề nghị đề ngày 06/12/2012 thể hiện về việc ông C đã biết về nội dung Quyết định số 1771/QĐ-UBND và Quyết định số 1784/QĐ-UBND ngày 31/8/2012 của UBND huyện S. Ông C nhất trí, ủng hộ việc nhà nước thu hồi đất để sử dụng vào mục đích công cộng nhưng không nhất trí về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi thu hồi đất. Ngày 21/12/2012, UBND huyện S có văn bản số 2653/UBND-TNMT v/v trả lời Đơn đề nghị của ông C. Đến ngày 14/9/2018, UBND huyện S có văn bản số 2277/UBND-TNMT v/v trả lời đơn đề nghị của ông C. Tuy nhiên, UBND huyện S không cung cấp được chứng cứ chứng minh về việc đã gửi văn bản trả lời đơn cho ông C.

Ngày 02/10/2020, ông C tiếp tục có Đơn kiến nghị liên quan đến việc bồi thường, hỗ trợ theo Quyết định số 1784/QĐ-UBND ngày 31/8/2012 của UBND huyện S. Ngày 09/11/2020, UBND thị xã S có Văn bản số 2572/UBND-TNMT v/v trả lời đơn đề nghị của ông C, trong đó có nội dung về việc những đề nghị của ông C đã được UBND thị xã S trả lời tại Văn bản số 2277/UBND-TNMT ngày 14/9/2019.

Xét thấy, trong quá trình thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với ông C và giải quyết Đơn đề nghị của ông C, UBND huyện S (nay là thị xã S)

đều không cung cấp được chứng cứ chứng minh việc đã giao, gửi các quyết định, văn bản trả lời đơn cho ông C theo đúng quy định của pháp luật. Khi đã xác minh không rõ địa chỉ nơi công tác, nơi ở của ông C nhưng UBND thị xã S cũng không thực hiện việc niêm yết công khai Quyết định thu hồi đất, Quyết định bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với ông C. Như vậy, thời hiệu khởi kiện của ông C đối với Quyết định số 1784/QĐ-UBND ngày 31/8/2012 của UBND huyện S được tính lại kể từ thời điểm ông C nhận được Văn bản số 2572/UBND-TNMT ngày 09/11/2020 của UBND thị xã S v/v trả lời đơn đề nghị của ông C. Ngày 25/12/2020, ông C có Đơn khởi kiện vụ án hành chính đối với Quyết định số 1784 ngày 31/8/2012 và Văn bản số 2277/UBND-TNMT ngày 14/9/2019 của UBND thị xã S là trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 116 Luật Tố tụng hành chính.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Duy C đối với Quyết định số 1784/QĐ-UBND ngày 31/8/2012 của UBND huyện S (nay là thị xã S) v/v bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi đất để thực hiện dự án: Xây dựng hạ tầng và san tạo mặt bằng Chợ văn hóa - Bến xe khách thị trấn S.

[4.1] UBND huyện S ban hành Quyết định số 1784/QĐ-UBND ngày 31/8/2012 v/v bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với ông Nguyễn Duy C trên cơ sở Quyết định số 1771/QĐ-UBND ngày 31/8/2012 về việc thu hồi đất của hộ ông C để thực hiện dự án: Xây dựng hạ tầng và san tạo mặt bằng Chợ văn hóa - Bến xe khách thị trấn S. Do đó Quyết định số 1771/QĐ-UBND ngày 31/8/2012 là quyết định hành chính có liên quan đến Quyết định số 1784. Xét thấy, Quyết định số 1771/QĐ-UBND ngày 31/8/2012 được UBND huyện S ban hành là phù hợp với quy định của pháp luật, theo Đơn khởi kiện thì ông Nguyễn Duy C nhất trí với việc thu hồi đất của UBND huyện S và không khởi kiện đối với Quyết định này.

[4.2] Xét tính hợp pháp của Quyết định số 1784/QĐ-UBND ngày 31/8/2012 của UBND huyện S:

[4.2.1] Về thẩm quyền:

Theo Quyết định số 1771/QĐ-UBND ngày 31/8/2012 về việc thu hồi đất của hộ ông Nguyễn Duy C do UBND huyện S ban hành là đúng quy định về thẩm quyền thu hồi đất tại Điều 44 Luật Đất đai 2003, việc thu hồi đất để thực hiện dự án: Xây dựng hạ tầng và san tạo mặt bằng Chợ văn hóa - Bến xe khách thị trấn S.

Theo quy định tại khoản 3 Điều 130 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai: *“Trường hợp thu hồi đất để thực hiện dự án đầu tư thì Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh có trách nhiệm lập phương án tổng thể về bồi thường, giải phóng mặt bằng trình Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xét duyệt.”* Do đó, UBND huyện S ban hành Quyết định số 1784/QĐ-UBND ngày 31/8/2012 bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với hộ ông Nguyễn Duy C là hộ bị thu hồi đất là đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền.

[4.2.2] Về nội dung:

Theo Quyết định số 1784/QĐ-UBND ngày 31/8/2012 của UBND huyện S bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với hộ ông Nguyễn Duy C là hộ bị thu hồi đất để thực hiện dự án: Xây dựng hạ tầng và san tạo mặt bằng Chợ Văn hóa - Bến xe khách thị trấn S như sau:

- Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ: 6.036.000 đồng, trong đó: Bồi thường hoa màu 3.036.000 đồng, hỗ trợ theo Thông báo số 178/VP-UBND 3.000.000 đồng.

- Tái định cư: Không.

Xét thấy, UBND huyện S thu hồi đất của ông Nguyễn Duy C để thực hiện dự án: Xây dựng hạ tầng và san tạo mặt bằng Chợ Văn hóa - Bến xe khách thị trấn S thuộc trường hợp thu hồi đất để sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng, mục đích phát triển kinh tế quy định tại Điều 36 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai. Quá trình thu hồi đất, ngày 29/8/2012, Tổ công tác của UBND huyện S đã tiến hành thống kê, kiểm đếm đất đai, tài sản, hoa màu của ông C và xác định toàn bộ diện tích đất bị thu hồi của ông C là đất nông nghiệp trồng cây lâu năm diện tích 200,0m², 05 cây đào, 05 cây mận thu hoạch trên 05 năm. Đối với việc xác định loại đất bị thu hồi là đất nông nghiệp trồng cây lâu năm và diện tích đất ông C không có ý kiến gì.

Xét về điều kiện để được bồi thường đất: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án thấy rằng diện tích đất bị thu hồi của ông Nguyễn Duy C có nguồn gốc là do ông C nhận chuyển nhượng của ông Lê Vĩnh Tính theo Giấy chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 25/01/2002 có xác nhận của UBND thị trấn S. Sau khi nhận chuyển nhượng đất thì ông C quản lý, sử dụng đất ổn định, không có tranh chấp nhưng chưa làm thủ tục để cấp GCNQSDĐ. Quá trình giải quyết vụ án, ngoài chứng cứ là Giấy chuyển nhượng quyền sử dụng ngày 25/01/2002 thì ông C không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào khác. Đối chiếu với quy định tại Điều 8 Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất, Điều 3 Thông tư số 14/2009/TT-BTNMT ngày 01/10/2009 của Bộ Tài nguyên và môi trường quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và trình tự thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất thì ông Nguyễn Duy C không đủ điều kiện để được bồi thường về đất.

Tại khoản 1 Điều 6 Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ quy định về nguyên tắc bồi thường như sau: “Người bị Nhà nước thu hồi đất có đủ điều kiện quy định tại Điều 8 của Nghị định này thì được bồi thường; trường hợp không đủ điều kiện được bồi thường thì Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) xem xét để hỗ trợ”. Theo đó, UBND huyện S căn cứ theo số liệu thống kê, đo đạc và ban hành Quyết định số 1784/QĐ-UBND ngày 31/8/2012 trong đó xác định ông Nguyễn Duy C không được bồi thường về đất, được bồi thường về hoa màu trên đất là 3.036.000 đồng là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 6

Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.

Ngoài ra, UBND huyện S xác định diện tích đất nông nghiệp bị thu hồi của ông C trong khu dân cư, không có giấy tờ về đất nhưng đang sử dụng đất ổn định, không có tranh chấp, không có hộ khẩu thường trú nên căn cứ vào Thông báo số 178/TB-VPUBND ngày 05/10/2011 của Văn phòng UBND tỉnh Lào Cai cho phép hỗ trợ khác theo khoản 1 Điều 23 Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009, mức hỗ trợ bằng 1 lần giá trị bồi thường đất nông nghiệp đã quyết định hỗ trợ số tiền: 3.000.000 đồng. Việc UBND huyện S quyết định xem xét hỗ trợ đối với ông Nguyễn Duy C số tiền 3.000.000 đồng là thực hiện hướng dẫn của UBND tỉnh Lào Cai về việc hỗ trợ khi thu hồi đất cho hộ gia đình, cá nhân trong trường hợp không đủ điều kiện bồi thường về đất. Mặc dù Thông báo số 178/TB-VPUBND ngày 05/10/2011 của Văn phòng UBND tỉnh Lào Cai không phải văn bản quy phạm pháp luật để làm căn cứ pháp lý áp dụng nhưng thông báo này là việc cụ thể hóa nguyên tắc bồi thường theo quy định của Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ. Vì vậy, xét thấy việc UBND huyện S ban hành Quyết định số 1784/QĐ-UBND ngày 31/8/2012 của UBND huyện S bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với hộ ông Nguyễn Duy C là hộ bị thu hồi đất để thực hiện dự án: Xây dựng hạ tầng và san tạo mặt bằng Chợ Văn hóa - Bến xe khách thị trấn S là phù hợp với quy định của pháp luật.

Người khởi kiện ông Nguyễn Duy C cho rằng diện tích đất bị thu hồi của mình là đất nông nghiệp nhưng diện tích đất nằm trong khu dân cư thuộc thị trấn S nên phải được xem xét hỗ trợ khi thu hồi đất trong khu dân cư theo quy định tại khoản 3 Điều 17, khoản 2 Điều 21 Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ quy định bổ sung về quy hoạch sử dụng đất, giá đất, thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư. Xét thấy, Điều 17 Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ quy định về các khoản hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất bao gồm:

- “1. Hỗ trợ di chuyển, hỗ trợ tái định cư đối với trường hợp thu hồi đất ở;*
- 2. Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất, hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tạo việc làm đối với trường hợp thu hồi đất nông nghiệp;*
- 3. Hỗ trợ khi thu hồi đất nông nghiệp trong khu dân cư; đất vườn, ao không được công nhận là đất ở;*
- 4. Hỗ trợ khác.”*

Tuy nhiên, việc xem xét các khoản hỗ trợ chỉ đặt ra trong trường hợp diện tích đất của hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi đủ điều kiện để bồi thường về đất. Đối với ông Nguyễn Duy C có đất bị thu hồi nhưng không đủ điều kiện bồi thường về đất nên chỉ được xem xét hỗ trợ theo hướng dẫn của UBND tỉnh Lào Cai và không áp dụng xem xét các khoản hỗ trợ khác theo quy định trên. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Duy C về việc hủy Quyết định số 1784/QĐ-UBND ngày 31/8/2012 của UBND huyện S (nay là thị xã S) về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư là không có căn cứ chấp nhận.

[5] Xét yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Duy C về việc yêu cầu Tòa án giải quyết hủy Văn bản số 2277/UBND-TNMT ngày 14/9/2018 của UBND thị xã S v/v trả lời đơn đề nghị của ông Nguyễn Duy C:

Trên cơ sở những phân tích ở trên, thấy rằng việc UBND huyện S (nay là thị xã S) thực hiện bồi thường, hỗ trợ đối với hộ ông Nguyễn Duy C theo Quyết định Quyết định số 1784/QĐ-UBND ngày 31/8/2012 của UBND huyện S bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với hộ ông Nguyễn Duy C là hộ bị thu hồi đất để thực hiện dự án: Xây dựng hạ tầng và san tạo mặt bằng Chợ Văn hóa - Bến xe khách thị trấn S là phù hợp với quy định của pháp luật. Vì vậy, khi nhận được Đơn đề nghị của ông Nguyễn Duy C về việc đề nghị UBND huyện S bổ sung phương án bồi thường, hỗ trợ đất nông nghiệp trong khu dân cư cho gia đình khi nhà nước thu hồi thì UBND huyện S đã ban hành văn bản số 2277/UBND-TNMT ngày 14/9/2018 trong đó có nội dung đề nghị của ông C không có cơ sở để thực hiện là đúng quy định của pháp luật. Ông Nguyễn Duy C khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy văn bản số 2277 là không có căn cứ chấp nhận.

[6] Xét yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Duy C về việc yêu cầu Tòa án giải quyết buộc UBND thị xã S bổ sung khoản hỗ trợ đối với đất nông nghiệp trong địa giới hành chính khu dân cư thuộc thị trấn khi nhà nước thu hồi đất đối với gia đình ông C là 1.260.000.000 đồng:

Như đã nhận định ở trên thì yêu cầu khởi kiện về việc hủy Quyết định số 1784/QĐ-UBND ngày 31/8/2012 của UBND huyện S (nay là thị xã S) về việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư không được chấp nhận nên đối với yêu cầu khởi kiện về việc buộc UBND thị xã S bổ sung khoản hỗ trợ đối với đất nông nghiệp trong địa giới hành chính khu dân cư thuộc thị trấn khi nhà nước thu hồi đất của ông C cũng không có căn cứ để chấp nhận.

[7] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận nên người khởi kiện ông Nguyễn Duy C phải chịu tiền án phí hành chính sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 30, Điều 32, Điều 116, khoản 1 Điều 158, điểm a khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính; Điều 38, Điều 39, Điều 42, Điều 44 Luật Đất đai 2003; Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai; Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ quy định bổ sung về quy hoạch sử dụng đất, giá đất, thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; Thông tư số 14/2009/TT-BTNMT ngày 01/10/2009 của Bộ Tài nguyên và môi trường quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và trình tự thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất; Quyết định số 45/2009/QĐ-UBND ngày 25/12/2009 ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi nhà nước thu hồi đất để sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng,

mục đích phát triển kinh tế trên địa bàn tỉnh Lào Cai; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Duy C về những vấn đề sau:

- Hủy Quyết định số 1784/QĐ-UBND ngày 31/8/2012 của UBND huyện S về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với hộ ông Nguyễn Duy C;

- Hủy Văn bản số 2277/UBND-TNMT ngày 14/9/2018 của UBND huyện S về việc trả lời đơn đề nghị của ông Nguyễn Duy C;

- Buộc UBND thị xã S thực hiện việc bổ sung khoản hỗ trợ đối với đất nông nghiệp trong địa giới hành chính khu dân cư thuộc thị trấn khi Nhà nước thu hồi đất của gia đình ông Nguyễn Duy C là 1.260.000.000 đồng (*Một tỷ hai trăm sáu mươi triệu đồng*).

2. Về án phí: Ông Nguyễn Duy C phải chịu án phí hành chính sơ thẩm. Xác nhận ông Nguyễn Duy C đã nộp số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số AC/2012/0001611 ngày 25/01/2021 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Lào Cai. Ông Nguyễn Duy C đã nộp đủ tiền án phí hành chính sơ thẩm.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án hành chính sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án hành chính sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Lào Cai (2);
- Cục THADS tỉnh Lào Cai;
- Các đương sự;
- Người BV Q&LI HP;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Phi Long